

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026**  
**TRƯỜNG: 17 - THPT Tân Bình**

| TT  | SBD    | Họ và Tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố) | Năm lớp 9                   |                       |                | NV chuyên 1 | NV chuyên 2 | NV1  | NV2  | Điểm Ưu tiên, KK | Ghi chú Ưu tiên, KK gì?  | Văn  | Anh  | Toán | Tổng cộng |       |
|-----|--------|----------------------|-----------|------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------|-------------|-------------|------|------|------------------|--------------------------|------|------|------|-----------|-------|
|     |        |                      |           |            |                                | học tại trường              | Huyện/ Thị            | Năm tốt nghiệp |             |             |      |      |                  |                          |      |      |      |           |       |
| (1) | (2)    | (3)                  | (4)       | (5)        | (6)                            | (7)                         | (8)                   | (9)            | (10)        | (11)        | (12) | (13) | (14)             | (15)                     | (16) | (27) | (28) | (29)      | (30)  |
| 1   | 040009 | Phạm Thị An          | Nữ        | 26/09/2009 | Bình Dương                     | Trường THCS Nguyễn Quốc Phú | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 04   | 17               |                          |      | 7,00 | 3,00 | 6,00      | 16,00 |
| 2   | 170002 | Bùi Minh An          | Nam       | 21/07/2010 | Nam Định                       | Trường THCS Chánh Phú Hòa   | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             |      | 17   | 23               |                          |      | 7,25 | 4,60 | 7,50      | 19,35 |
| 3   | 170004 | Đỗ Hoài An           | Nam       | 11/05/2008 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,75 | 3,60 | 4,60      | 15,95 |
| 4   | 170005 | Lê Ngọc An           | Nữ        | 21/09/2010 | TP. Hồ Chí Minh                | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 8,00 | 5,00 | 7,50      | 20,50 |
| 5   | 170006 | Nguyễn Đăng Nhật An  | Nam       | 12/01/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Quang Trung     | Huyện Bàu Bàng        | 2025           |             |             |      | 17   | 23               |                          |      | 6,00 | 4,20 | 7,50      | 17,70 |
| 6   | 170007 | Nguyễn Hoài An       | Nam       | 05/12/2010 | TP. Cần Thơ                    | Trường THCS Hòa Phú         | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025           |             |             |      | 17   | 04               |                          |      | 7,25 | 3,00 | 8,50      | 18,75 |
| 7   | 170008 | Nguyễn Hoàng An      | Nam       | 30/07/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 6,50 | 6,50 | 7,00      | 20,00 |
| 8   | 170009 | Nguyễn Nhật Triều An | Nữ        | 01/10/2009 | Đồng Nai                       | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,00 | 4,00 | 5,50      | 16,50 |
| 9   | 030080 | Vũ Thị Lan Anh       | Nữ        | 17/01/2010 | Đồng Tháp                      | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 03   | 17               |                          |      | 7,00 | 4,80 | 4,50      | 16,30 |
| 10  | 040014 | Bùi Mai Quang Anh    | Nam       | 03/06/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Hòa Phú         | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025           |             |             |      | 04   | 17               | 1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS | 6,00 | 4,00 | 5,00 | 16,00     |       |
| 11  | 040025 | Lại Thùy Vân Anh     | Nữ        | 28/04/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 04   | 17               |                          | 8,00 | 2,60 | 5,40 | 16,00     |       |
| 12  | 040035 | Lê Võ Trâm Anh       | Nữ        | 29/07/2009 | Đồng Tháp                      | Trường THCS Lý Tự Trọng     | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             |      | 04   | 17               |                          | 7,50 | 1,80 | 6,75 | 16,05     |       |
| 13  | 040050 | Nguyễn Thị Hà Anh    | Nữ        | 10/06/2010 | Thanh Hóa                      | Trường THCS Phú Hòa         | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025           |             |             |      | 04   | 17               |                          |      | 6,75 | 3,80 | 5,50      | 16,05 |
| 14  | 040071 | Võ Nguyễn Bảo Anh    | Nữ        | 15/04/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Lý Tự Trọng     | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             |      | 04   | 17               |                          |      | 7,50 | 3,20 | 5,65      | 16,35 |
| 15  | 170011 | Đặng Thị Quỳnh Anh   | Nữ        | 05/12/2010 | Nghệ An                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 8,25 | 4,70 | 6,75      | 19,70 |
| 16  | 170012 | Giang Khiết Anh      | Nữ        | 03/01/2010 | TP. Hồ Chí Minh                | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 8,00 | 3,40 | 5,25      | 16,65 |
| 17  | 170015 | Lê Trâm Anh          | Nữ        | 05/07/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,50 | 2,60 | 6,10      | 16,20 |
| 18  | 170016 | Nguyễn Minh Anh      | Nam       | 25/09/2008 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,50 | 3,60 | 6,00      | 17,10 |
| 19  | 170017 | Nguyễn Ngọc Anh      | Nữ        | 31/10/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 16               |                          |      | 7,00 | 3,10 | 6,10      | 16,20 |
| 20  | 170018 | Nguyễn Ngọc Minh Anh | Nữ        | 08/12/2010 | TP. Hồ Chí Minh                | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,75 | 4,20 | 6,25      | 18,20 |
| 21  | 170020 | Nguyễn Thị Vân Anh   | Nữ        | 14/01/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 8,25 | 5,60 | 7,50      | 21,35 |
| 22  | 170021 | Nguyễn Thị Vân Anh   | Nữ        | 15/10/2009 | Đồng Nai                       | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,75 | 4,80 | 4,30      | 16,85 |
| 23  | 170022 | Phạm Nguyễn Diệu Anh | Nữ        | 03/11/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Mỹ Phước        | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 8,25 | 8,90 | 9,75      | 26,90 |
| 24  | 170023 | Tăng Hoàng Anh       | Nam       | 25/05/2010 | Gia Lai                        | Trường THCS Chánh Phú Hòa   | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             |      | 17   | 23               |                          |      | 7,00 | 3,20 | 5,85      | 16,05 |
| 25  | 170024 | Võ Ngọc Trâm Anh     | Nữ        | 16/09/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,50 | 3,00 | 5,35      | 15,85 |
| 26  | 040078 | Lê Thị Ngọc Anh      | Nữ        | 01/06/2010 | Thanh Hóa                      | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 04   | 17               | 1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS | 7,25 | 2,40 | 5,75 | 16,40     |       |
| 27  | 170027 | Nguyễn Trần Ngọc Anh | Nữ        | 15/01/2010 | Hà Tĩnh                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          | 7,25 | 3,80 | 6,00 | 17,05     |       |
| 28  | 170037 | Phạm Hoàng Thiên Bắc | Nam       | 17/11/2010 | Thanh Hóa                      | Trường THCS Lê Thị Trung    | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 16               |                          |      | 6,25 | 5,00 | 6,25      | 17,50 |
| 29  | 170031 | Mai Thiên Bảo        | Nam       | 19/09/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,50 | 3,40 | 7,00      | 17,90 |
| 30  | 170032 | Nguyễn Gia Bảo       | Nam       | 26/06/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 6,50 | 6,90 | 7,75      | 21,15 |
| 31  | 170033 | Nguyễn Gia Bảo       | Nam       | 10/01/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,75 | 6,50 | 7,50      | 21,75 |
| 32  | 170034 | Nguyễn Nguyên Bảo    | Nam       | 17/01/2010 | TP. Hồ Chí Minh                | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,25 | 6,70 | 7,50      | 21,45 |
| 33  | 170035 | Phạm Duy Bảo         | Nam       | 11/03/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 7,25 | 3,60 | 6,50      | 17,35 |
| 34  | 140093 | Trương Ngọc Bi       | Nam       | 27/02/2010 | Thanh Hóa                      | Trường THCS Tân Hiệp        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 14   | 17               |                          |      | 6,25 | 3,80 | 6,50      | 16,55 |
| 35  | 080081 | Nguyễn Võ Thái Bình  | Nam       | 14/09/2009 | Phú Yên                        | Trường ngoại tỉnh           |                       | 2024           |             |             |      | 08   | 17               |                          |      | 7,00 | 3,20 | 6,50      | 16,70 |
| 36  | 170039 | Đặng Thị Kim Bình    | Nữ        | 06/06/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                          |      | 8,50 | 6,30 | 8,00      | 22,80 |
| 37  | 040118 | Lê Nguyễn Đan Châu   | Nữ        | 11/12/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Chánh Phú Hòa   | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             |      | 04   | 17               |                          |      | 6,00 | 4,10 | 6,25      | 16,35 |

| TT  | SBD    | Họ và               | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố) | Năm lớp 9                 |                       |                | NV chuyên 1 | NV chuyên 2 | NV1  | NV2  | Điểm Ưu tiên, KK | Ghi chú Ưu tiên, KK gì? | Văn  | Anh  | Toán | Tổng cộng |
|-----|--------|---------------------|-------|-----------|------------|--------------------------------|---------------------------|-----------------------|----------------|-------------|-------------|------|------|------------------|-------------------------|------|------|------|-----------|
|     |        |                     |       |           |            |                                | học tại trường            | Huyện/ Thị            | Năm tốt nghiệp |             |             |      |      |                  |                         |      |      |      |           |
| (1) | (2)    | (3)                 | (4)   | (5)       | (6)        | (7)                            | (8)                       | (9)                   | (10)           | (11)        | (12)        | (13) | (14) | (15)             | (16)                    | (27) | (28) | (29) | (30)      |
| 38  | 170044 | Ngô Thị Ngọc        | Châu  | Nữ        | 04/10/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 8,00 | 6,90 | 8,25 | 23,15     |
| 39  | 170047 | Nguyễn Thị Lan      | Chi   | Nữ        | 14/08/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,50 | 5,30 | 7,00 | 19,80     |
| 40  | 040133 | Hoàng Minh          | Cương | Nam       | 26/08/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Lý Tự Trọng   | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             | 04   | 17   |                  |                         | 7,00 | 2,40 | 7,00 | 16,40     |
| 41  | 140121 | Lê Xuân             | Cường | Nam       | 28/07/2010 | TP. Hồ Chí Minh                | Trường THCS Khánh Bình    | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 14   | 17   |                  |                         | 7,00 | 3,20 | 6,00 | 16,20     |
| 42  | 170072 | Nguyễn Bảo          | Đan   | Nam       | 31/01/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             | 17   | 23   |                  |                         | 7,00 | 4,00 | 6,25 | 17,25     |
| 43  | 170076 | Nguyễn Hải          | Đặng  | Nam       | 03/01/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,25 | 7,00 | 7,75 | 22,00     |
| 44  | 170049 | Nguyễn Thế          | Danh  | Nam       | 17/01/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 23   |                  |                         | 7,50 | 4,60 | 6,75 | 18,85     |
| 45  | 170073 | Tô Hồng             | Đào   | Nữ        | 29/08/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   | 1                | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS  | 6,75 | 2,80 | 5,25 | 15,80     |
| 46  | 040187 | Nguyễn Thành        | Đạt   | Nam       | 27/08/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Lý Tự Trọng   | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             | 04   | 17   |                  |                         | 6,25 | 3,60 | 6,10 | 15,95     |
| 47  | 140172 | Tô Tuấn             | Đạt   | Nam       | 03/02/2010 | Đồng Nai                       | Trường THCS Hội Nghĩa     | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 14   | 17   | 1                | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS  | 7,00 | 2,40 | 5,65 | 16,05     |
| 48  | 170075 | Huỳnh Thành         | Đạt   | Nam       | 20/02/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 8,00 | 4,60 | 8,25 | 20,85     |
| 49  | 170077 | Bồ Viên Đình        | Đầu   | Nam       | 01/11/2008 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,00 | 4,40 | 5,75 | 17,15     |
| 50  | 170050 | Nguyễn Thị Kiều     | Diễm  | Nữ        | 09/03/2010 | Quảng Trị                      | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bàu Bàng        | 2025           |             |             | 17   | 23   |                  |                         | 7,50 | 4,60 | 7,25 | 19,35     |
| 51  | 170078 | Phan Thanh          | Diễn  | Nam       | 21/04/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,75 | 6,10 | 7,25 | 21,10     |
| 52  | 040145 | Nguyễn Thị Kim      | Diệu  | Nữ        | 15/02/2010 | Quảng Ngãi                     | Trường THCS Lý Tự Trọng   | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             | 04   | 17   |                  |                         | 7,75 | 3,20 | 5,25 | 16,20     |
| 53  | 170052 | Phạm Ngọc           | Diệu  | Nữ        | 22/04/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,25 | 3,00 | 6,50 | 16,75     |
| 54  | 170080 | Trần Nguyễn Công    | Đoàn  | Nam       | 29/04/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,25 | 7,20 | 8,75 | 23,20     |
| 55  | 170081 | Hoàng Minh          | Đức   | Nam       | 18/02/2010 | TP. Hồ Chí Minh                | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 6,50 | 5,70 | 5,75 | 17,95     |
| 56  | 170082 | Lê Anh              | Đức   | Nam       | 20/11/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 6,50 | 4,80 | 5,60 | 16,90     |
| 57  | 170054 | Trương Nguyễn Khánh | Dung  | Nữ        | 12/03/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 8,00 | 2,40 | 5,75 | 16,15     |
| 58  | 040169 | Danh Thùy           | Dương | Nữ        | 16/10/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Hòa Phú       | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025           |             |             | 04   | 17   | 1                | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS  | 7,00 | 3,40 | 4,85 | 16,25     |
| 59  | 140153 | Lê Thị Thùy         | Dương | Nữ        | 13/07/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Hội Nghĩa     | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 14   | 17   |                  |                         | 7,25 | 3,60 | 5,50 | 16,35     |
| 60  | 170068 | Lê Thị Thùy         | Dương | Nữ        | 26/08/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,00 | 3,20 | 6,25 | 16,45     |
| 61  | 170069 | Nguyễn Đặng Thùy    | Dương | Nữ        | 27/09/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             | 17   | 23   |                  |                         | 5,25 | 4,60 | 7,00 | 16,85     |
| 62  | 170057 | Lê Đình             | Duy   | Nam       | 28/04/2010 | Thanh Hóa                      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 14   |                  |                         | 7,75 | 3,60 | 5,25 | 16,60     |
| 63  | 170060 | Phạm Anh            | Duy   | Nam       | 15/05/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,75 | 3,80 | 6,75 | 18,30     |
| 64  | 170062 | Đoàn Thị Hồng       | Duyên | Nữ        | 27/10/2009 | An Giang                       | Trường THCS Hội Nghĩa     | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 16   |                  |                         | 8,00 | 2,60 | 5,50 | 16,10     |
| 65  | 170064 | Nguyễn Phương Mỹ    | Duyên | Nữ        | 15/01/2010 | TP. Hồ Chí Minh                | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 14   |                  |                         | 7,25 | 6,80 | 7,50 | 21,55     |
| 66  | 170084 | Đặng Duy Vũ         | Giang | Nam       | 15/05/2010 | Đắk Lắk                        | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,75 | 4,00 | 7,00 | 18,75     |
| 67  | 170086 | Đỗ Thị Ngọc         | Giàu  | Nữ        | 08/03/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 8,00 | 2,80 | 6,75 | 17,55     |
| 68  | 170088 | Nguyễn Huỳnh Tuấn   | Hải   | Nam       | 21/02/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,50 | 4,20 | 7,50 | 19,20     |
| 69  | 170097 | Lê Trần Ngọc        | Hân   | Nữ        | 07/06/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,25 | 6,70 | 7,25 | 21,20     |
| 70  | 170098 | Trần Huỳnh Châu     | Hân   | Nữ        | 09/12/2010 | TP. Hồ Chí Minh                | Trường THCS Phước Hòa     | Huyện Phú Giáo        | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,25 | 3,20 | 6,25 | 16,70     |
| 71  | 170094 | Danh Thanh          | Hằng  | Nữ        | 13/07/2010 | TP. Hồ Chí Minh                | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             | 17   | 27   | 1                | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS  | 6,25 | 3,20 | 5,75 | 16,20     |
| 72  | 170089 | Huỳnh Hồng          | Hạnh  | Nữ        | 10/07/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 6,25 | 3,40 | 6,25 | 15,90     |
| 73  | 040231 | Trần Hoàng Nhật     | Hào   | Nam       | 11/11/2010 | Bình Phước                     | Trường ngoại tỉnh         |                       | 2025           |             |             | 04   | 17   |                  |                         | 7,00 | 3,20 | 6,00 | 16,20     |
| 74  | 140198 | Nguyễn Quang        | Hào   | Nam       | 25/01/2009 | Bình Dương                     | Trường THCS Hội Nghĩa     | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 14   | 17   | 1                | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS  | 6,50 | 4,20 | 4,75 | 16,45     |
| 75  | 170090 | Nguyễn Cao Quốc     | Hào   | Nam       | 17/03/2010 | TP. Cần Thơ                    | Trường THCS Phước Hòa     | Huyện Phú Giáo        | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 7,50 | 6,50 | 6,75 | 20,75     |
| 76  | 170091 | Nguyễn Gia          | Hào   | Nam       | 17/01/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 8,25 | 7,60 | 8,00 | 23,85     |
| 77  | 170092 | Nguyễn Nhật         | Hào   | Nam       | 19/04/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 6,00 | 4,40 | 6,50 | 16,90     |
| 78  | 170100 | Nguyễn Thị Thu      | Hiền  | Nữ        | 20/10/2010 | Bình Dương                     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                         | 8,00 | 7,00 | 5,75 | 20,75     |

| TT  | SBD    | Họ và Tên         | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố) | Năm lớp 9       |                             |                       | NV chuyên 1 | NV chuyên 2 | NV1  | NV2  | Điểm Ưu tiên, KK | Ghi chú Ưu tiên, KK gì? | Văn                    | Anh  | Toán | Tổng cộng |       |
|-----|--------|-------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------------|-------------|-------------|------|------|------------------|-------------------------|------------------------|------|------|-----------|-------|
|     |        |                   |           |           |                                | học tại trường  | Huyện/ Thị                  | Năm tốt nghiệp        |             |             |      |      |                  |                         |                        |      |      |           |       |
| (1) | (2)    | (3)               | (4)       | (5)       | (6)                            | (7)             | (8)                         | (9)                   | (10)        | (11)        | (12) | (13) | (14)             | (15)                    | (16)                   | (27) | (28) | (29)      | (30)  |
| 79  | 140214 | Trần Đức          | Hiệp      | Nam       | 18/12/2009                     | TP. Hồ Chí Minh | Trường THCS Tân Hiệp        | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                         |                        | 6,75 | 2,40 | 7,50      | 16,65 |
| 80  | 040265 | Lê Minh           | Hiếu      | Nam       | 20/04/2010                     | Đồng Tháp       | Trường THCS Hòa Phú         | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025        |             |      | 04   | 17               |                         |                        | 5,75 | 3,40 | 7,00      | 16,15 |
| 81  | 080266 | Mai Thanh         | Hiếu      | Nam       | 30/11/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Bình Chuẩn 2    | Thành phố Thuận An    | 2025        |             |      | 08   | 17               |                         |                        | 5,75 | 4,20 | 6,50      | 16,45 |
| 82  | 170102 | Hồ Minh           | Hiếu      | Nam       | 10/01/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 8,00 | 7,20 | 6,50      | 21,70 |
| 83  | 080297 | Phan Huy          | Hoàng     | Nam       | 18/06/2009                     | Hà Tĩnh         | Trường ngoại tỉnh           |                       | 2024        |             |      | 08   | 17               |                         |                        | 8,25 | 3,40 | 5,50      | 17,15 |
| 84  | 140229 | Lê Hữu Trọng      | Hoàng     | Nam       | 10/07/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Khánh Bình      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                         |                        | 6,50 | 2,80 | 7,00      | 16,30 |
| 85  | 170108 | Nguyễn Huy        | Hoàng     | Nam       | 26/10/2010                     | Lâm Đồng        | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,50 | 2,80 | 5,60      | 15,90 |
| 86  | 170109 | Tô Nguyễn         | Hoàng     | Nam       | 09/09/2010                     | Hà Giang        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               | 1                       | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS | 6,25 | 3,60 | 6,10      | 16,95 |
| 87  | 170110 | Vô Minh           | Hoàng     | Nam       | 19/07/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 6,25 | 5,20 | 6,50      | 17,95 |
| 88  | 170111 | Lê Quốc           | Hùng      | Nam       | 17/11/2010                     | Bình Thuận      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,00 | 5,20 | 8,75      | 20,95 |
| 89  | 170120 | Phạm Gia          | Hưng      | Nam       | 07/04/2010                     | An Giang        | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,00 | 3,80 | 6,50      | 17,30 |
| 90  | 040324 | Cao Thị Ngọc      | Hương     | Nữ        | 09/05/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Thới Hòa        | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 04   | 17               |                         |                        | 7,75 | 2,60 | 6,00      | 16,35 |
| 91  | 040325 | Trần Thị Lan      | Hương     | Nữ        | 17/03/2010                     | Quảng Bình      | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 04   | 17               |                         |                        | 7,25 | 3,00 | 6,25      | 16,50 |
| 92  | 030308 | Nguyễn Bùi Gia    | Huy       | Nam       | 22/01/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 03   | 17               |                         |                        | 6,75 | 2,80 | 6,75      | 16,30 |
| 93  | 170112 | Dương Quang       | Huy       | Nam       | 24/05/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 6,25 | 3,20 | 7,75      | 17,20 |
| 94  | 170115 | Nguyễn Gia        | Huy       | Nam       | 18/09/2009                     | Trà Vinh        | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,25 | 4,40 | 7,25      | 18,90 |
| 95  | 170117 | Nguyễn Quốc       | Huy       | Nam       | 19/01/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 6,75 | 6,50 | 8,00      | 21,25 |
| 96  | 170119 | Phạm Quốc         | Huy       | Nam       | 07/03/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 8,00 | 6,60 | 7,00      | 21,60 |
| 97  | 010225 | Nguyễn Thị Ngọc   | Huyền     | Nữ        | 20/01/2010                     | Đồng Nai        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        | TOÁN        | ANH  | 17   | 27               |                         |                        | 7,25 | 8,80 | 7,50      | 23,55 |
| 98  | 040309 | Lâm Thị Bích      | Huyền     | Nữ        | 19/01/2010                     | Đồng Tháp       | Trường THCS Lý Tự Trọng     | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 04   | 17               |                         |                        | 6,00 | 3,20 | 7,25      | 16,45 |
| 99  | 040340 | Nguyễn Hữu        | Khang     | Nam       | 10/01/2010                     | Tiền Giang      | Trường THCS Lý Tự Trọng     | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 04   | 17               |                         |                        | 6,00 | 3,20 | 7,00      | 16,20 |
| 100 | 130324 | Nguyễn Phước Gia  | Khang     | Nam       | 11/11/2010                     | Bình Phước      | Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi | Thành phố Thuận An    | 2025        |             |      | 13   | 17               |                         |                        | 7,00 | 4,40 | 5,50      | 16,90 |
| 101 | 170123 | Nguyễn Trọng      | Khang     | Nam       | 02/11/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 8,50 | 6,30 | 8,25      | 23,05 |
| 102 | 170124 | Trần Bảo          | Khang     | Nam       | 15/05/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 04               |                         |                        | 6,00 | 3,20 | 7,00      | 16,20 |
| 103 | 040358 | Vô Hoàng          | Khiêm     | Nam       | 27/11/2009                     | Kiên Giang      | Trường THCS Lý Tự Trọng     | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 04   | 17               |                         |                        | 7,25 | 3,00 | 6,25      | 16,50 |
| 104 | 040359 | Bùi Đăng          | Khoa      | Nam       | 07/10/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 04   | 17               |                         |                        | 7,00 | 3,80 | 5,50      | 16,30 |
| 105 | 040364 | Phạm Văn          | Khoa      | Nam       | 13/06/2008                     | Sóc Trăng       | Trường THCS Hòa Phú         | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025        |             |      | 04   | 17               |                         |                        | 7,00 | 3,60 | 5,60      | 16,20 |
| 106 | 170128 | Lê Trương Minh    | Khoa      | Nam       | 29/05/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,75 | 6,50 | 6,75      | 21,00 |
| 107 | 140314 | Châu Anh          | Khôi      | Nam       | 24/12/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Hiệp        | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                         |                        | 6,75 | 2,80 | 7,00      | 16,55 |
| 108 | 170129 | Nguyễn Đăng       | Khôi      | Nam       | 21/08/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,50 | 2,60 | 7,25      | 17,35 |
| 109 | 170131 | Trần Đăng         | Khôi      | Nam       | 16/02/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,50 | 2,20 | 7,75      | 17,45 |
| 110 | 170134 | Ngân Văn Gia      | Kiệt      | Nam       | 03/09/2010                     | Thanh Hóa       | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               | 1                       | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS | 6,75 | 3,80 | 6,10      | 17,65 |
| 111 | 170135 | Nguyễn Thanh Tuấn | Kiệt      | Nam       | 21/03/2010                     | Đồng Nai        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,25 | 3,20 | 8,00      | 18,45 |
| 112 | 170138 | Hoàng Ngọc Xuân   | Kiều      | Nữ        | 17/10/2010                     | Quảng Ngãi      | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 6,75 | 3,40 | 7,75      | 17,90 |
| 113 | 170139 | Nguyễn Hiếu       | Kỳ        | Nam       | 01/02/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,00 | 4,70 | 4,10      | 15,80 |
| 114 | 170141 | Đoàn Công Sơn     | Lâm       | Nam       | 28/05/2009                     | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 6,50 | 3,20 | 6,25      | 15,95 |
| 115 | 120263 | Nguyễn Thị Thùy   | Linh      | Nữ        | 13/07/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Khánh Bình      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 12   | 17               |                         |                        | 8,00 | 2,80 | 7,25      | 18,05 |
| 116 | 140362 | Trần Quang        | Linh      | Nam       | 17/11/2010                     | Quảng Nam       | Trường THCS Nguyễn Quốc Phú | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                         |                        | 5,25 | 4,20 | 6,50      | 15,95 |
| 117 | 170143 | Đinh Thị Phương   | Linh      | Nữ        | 01/11/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,50 | 3,40 | 10,00     | 20,90 |
| 118 | 170148 | Trịnh Văn         | Lĩnh      | Nam       | 04/09/2010                     | Thanh Hóa       | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 8,50 | 5,10 | 7,75      | 21,35 |
| 119 | 170149 | Lê Thị Hồng       | Loan      | Nữ        | 19/10/2010                     | Bình Dương      | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                         |                        | 7,75 | 4,00 | 5,80      | 17,55 |

| TT  | SBD    | Họ và Tên        | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh<br>(Tỉnh hoặc Thành phố) | Năm lớp 9      |                           |                       | NV chuyên 1 | NV chuyên 2 | NV1  | NV2  | Điểm Ưu tiên, KK | Ghi chú<br>Ưu tiên, KK gì? | Văn                    | Anh  | Toán | Tổng cộng |       |
|-----|--------|------------------|-----------|-----------|-----------------------------------|----------------|---------------------------|-----------------------|-------------|-------------|------|------|------------------|----------------------------|------------------------|------|------|-----------|-------|
|     |        |                  |           |           |                                   | học tại trường | Huyện/ Thị                | Năm tốt nghiệp        |             |             |      |      |                  |                            |                        |      |      |           |       |
| (1) | (2)    | (3)              | (4)       | (5)       | (6)                               | (7)            | (8)                       | (9)                   | (10)        | (11)        | (12) | (13) | (14)             | (15)                       | (16)                   | (27) | (28) | (29)      | (30)  |
| 120 | 170152 | Nguyễn Đức Duy   | Lợi       | Nam       | 16/11/2010                        | Đắk Lắk        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 4,80 | 7,50      | 19,30 |
| 121 | 140369 | Nguyễn Công Phi  | Long      | Nam       | 10/09/2010                        | Thanh Hóa      | Trường THCS Hội Nghĩa     | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                            |                        | 6,75 | 3,40 | 6,30      | 16,45 |
| 122 | 170150 | Đỗ Văn           | Long      | Nam       | 25/07/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 1,80 | 7,25      | 16,05 |
| 123 | 170153 | Phạm Minh        | Luân      | Nam       | 22/05/2010                        | Hậu Giang      | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bầu Bàng        | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 4,00 | 5,60 | 7,00      | 16,60 |
| 124 | 170154 | Phan Nguyễn Minh | Luân      | Nam       | 12/02/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,25 | 7,50 | 7,25      | 23,00 |
| 125 | 140384 | Mai Tiến         | Lực       | Nam       | 17/03/2010                        | Nam Định       | Trường THCS Tân Hiệp      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                            |                        | 7,25 | 2,40 | 6,75      | 16,40 |
| 126 | 170156 | Nguyễn Cẩm       | Ly        | Nữ        | 28/11/2010                        | Nam Định       | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 17   | 23               |                            |                        | 7,25 | 6,60 | 5,75      | 19,60 |
| 127 | 170157 | Vũ Bảo           | Ly        | Nữ        | 24/06/2010                        | Nam Định       | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,75 | 4,80 | 7,25      | 19,80 |
| 128 | 040447 | Nguyễn Thị Xuân  | Mai       | Nữ        | 29/10/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Lý Tự Trọng   | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 04   | 17               |                            |                        | 7,00 | 2,80 | 6,30      | 16,10 |
| 129 | 170159 | Lê Thị Quỳnh     | Mai       | Nữ        | 16/12/2009                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,00 | 5,10 | 5,75      | 18,85 |
| 130 | 170160 | Nguyễn Thị Thảo  | Mai       | Nữ        | 23/08/2010                        | Cà Mau         | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 17   | 23               |                            |                        | 7,50 | 3,00 | 5,50      | 16,00 |
| 131 | 170161 | Trần Nguyễn Ngọc | Mai       | Nữ        | 08/12/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 6,75 | 2,60 | 7,25      | 16,60 |
| 132 | 170163 | Trần Tiến        | Mạnh      | Nam       | 30/01/2010                        | TP. Hà Nội     | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 18               |                            |                        | 7,75 | 5,10 | 6,75      | 19,60 |
| 133 | 170165 | Huỳnh Hiểu       | Minh      | Nam       | 23/12/2009                        | Bình Phước     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 6,25 | 6,90 | 6,25      | 19,40 |
| 134 | 170166 | Nguyễn Ngọc      | Minh      | Nữ        | 23/10/2010                        | Tây Ninh       | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,25 | 4,20 | 5,35      | 16,80 |
| 135 | 170167 | Nguyễn Quang     | Minh      | Nam       | 08/03/2010                        | Bạc Liêu       | Trường THCS Tân Hiệp      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 14               |                            |                        | 7,75 | 4,00 | 4,40      | 16,15 |
| 136 | 170168 | Lê Ngọc Trúc     | My        | Nữ        | 23/11/2010                        | Trà Vinh       | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,50 | 4,60 | 7,25      | 20,35 |
| 137 | 170169 | Nguyễn Hoàng     | My        | Nữ        | 27/03/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,00 | 7,40 | 7,50      | 22,90 |
| 138 | 140431 | Nguyễn Lâm Nhật  | Nam       | Nam       | 30/11/2010                        | Đồng Nai       | Trường THCS Hội Nghĩa     | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                            |                        | 6,00 | 3,80 | 6,50      | 16,30 |
| 139 | 170174 | Nguyễn Hoài      | Nam       | Nam       | 18/04/2009                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 6,50 | 3,20 | 6,25      | 15,95 |
| 140 | 170176 | Phạm Kim         | Ngân      | Nữ        | 15/09/2010                        | Cà Mau         | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,25 | 3,60 | 5,75      | 16,60 |
| 141 | 170177 | Đậu Nguyễn Trọng | Nghĩa     | Nam       | 30/10/2009                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 6,10 | 6,50      | 19,60 |
| 142 | 170178 | Huỳnh Văn        | Nghĩa     | Nam       | 01/11/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 3,20 | 6,60      | 16,80 |
| 143 | 170180 | Trần Đại         | Nghĩa     | Nam       | 29/07/2010                        | Gia Lai        | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,00 | 3,80 | 6,75      | 18,55 |
| 144 | 170181 | Vũ Thanh         | Ngoan     | Nữ        | 24/03/2009                        | Nam Định       | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 6,50 | 3,20 | 7,50      | 17,20 |
| 145 | 040535 | Đinh Thế         | Ngọc      | Nam       | 11/11/2010                        | Đắk Lắk        | Trường THCS Hòa Phú       | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025        |             |      | 04   | 17               |                            |                        | 7,50 | 2,80 | 6,00      | 16,30 |
| 146 | 040547 | Nguyễn Vũ Thái   | Ngọc      | Nam       | 03/02/2009                        | Bình Dương     | Trường ngoại tỉnh         |                       | 2024        |             |      | 04   | 17               |                            |                        | 7,00 | 5,70 | 3,25      | 15,95 |
| 147 | 170182 | Đào Thị Bảo      | Ngọc      | Nữ        | 08/01/2010                        | Lâm Đồng       | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,25 | 5,20 | 6,50      | 19,95 |
| 148 | 170184 | Huỳnh Thị Bảo    | Ngọc      | Nữ        | 10/12/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 3,40 | 7,75      | 18,15 |
| 149 | 170186 | Nguyễn Hữu Bảo   | Ngọc      | Nam       | 23/10/2010                        | Đắk Lắk        | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bầu Bàng        | 2025        |             |      | 17   | 23               |                            |                        | 6,50 | 4,60 | 6,30      | 17,40 |
| 150 | 170187 | Nguyễn Lê Bảo    | Ngọc      | Nữ        | 05/02/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,75 | 4,00 | 8,00      | 19,75 |
| 151 | 170191 | Nguyễn Nhất      | Nguyên    | Nam       | 02/10/2010                        | Long An        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 5,50 | 5,20 | 8,00      | 18,70 |
| 152 | 170193 | Nguyễn Mai Minh  | Nguyệt    | Nữ        | 21/08/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bầu Bàng        | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,25 | 3,00 | 7,25      | 17,50 |
| 153 | 140503 | Nguyễn Thị Mỹ    | Nhân      | Nữ        | 14/11/2010                        | Sóc Trăng      | Trường THCS Khánh Bình    | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                            |                        | 7,00 | 3,60 | 5,50      | 16,10 |
| 154 | 170196 | Dương Đoàn Minh  | Nhật      | Nam       | 26/05/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bầu Bàng        | 2025        |             |      | 17   | 23               | 1                          | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS | 6,75 | 4,30 | 7,50      | 19,55 |
| 155 | 170197 | Lã Minh          | Nhật      | Nam       | 06/08/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 6,75 | 5,80 | 7,50      | 20,05 |
| 156 | 010935 | Nguyễn Bảo       | Nhi       | Nữ        | 12/02/2010                        | Đắk Nông       | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        | TOÁN SƯ     |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,50 | 6,40 | 8,75      | 23,65 |
| 157 | 030620 | Nguyễn Ngọc      | Nhi       | Nữ        | 27/02/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 03   | 17               |                            |                        | 7,25 | 3,40 | 6,00      | 16,65 |
| 158 | 030625 | Trần Thị Yến     | Nhi       | Nữ        | 28/08/2010                        | Thanh Hóa      | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 03   | 17               |                            |                        | 7,50 | 3,20 | 6,50      | 17,20 |
| 159 | 170198 | Bùi Thị Yến      | Nhi       | Nữ        | 15/07/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bầu Bàng        | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 5,75 | 4,90 | 7,25      | 17,90 |
| 160 | 170199 | Đặng Thảo        | Nhi       | Nữ        | 09/07/2010                        | Bình Dương     | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,00 | 3,40 | 5,75      | 17,15 |

| TT  | SBD    | Họ và Tên         |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh<br>(Tỉnh hoặc Thành phố) | Năm lớp 9                 |                       |                | NV chuyên 1 | NV chuyên 2 | NV1  | NV2  | Điểm Ưu tiên, KK | Ghi chú<br>Ưu tiên, KK gì? | Văn  | Anh  | Toán | Tổng cộng |
|-----|--------|-------------------|--------|-----------|------------|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------|----------------|-------------|-------------|------|------|------------------|----------------------------|------|------|------|-----------|
|     |        |                   |        |           |            |                                   | học tại trường            | Huyện/ Thị            | Năm tốt nghiệp |             |             |      |      |                  |                            |      |      |      |           |
| (1) | (2)    | (3)               | (4)    | (5)       | (6)        | (7)                               | (8)                       | (9)                   | (10)           | (11)        | (12)        | (13) | (14) | (15)             | (16)                       | (27) | (28) | (29) | (30)      |
| 161 | 170200 | Lê Ngọc Yến       | Nhi    | Nữ        | 24/11/2010 | An Giang                          | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 8,50 | 5,20 | 8,75 | 22,45     |
| 162 | 040624 | Huỳnh Thị Quỳnh   | Như    | Nữ        | 20/03/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             | 04   | 17   |                  |                            | 7,50 | 3,00 | 6,00 | 16,50     |
| 163 | 040634 | Phạm Bùi Quỳnh    | Như    | Nữ        | 23/03/2010 | Quảng Ngãi                        | Trường THCS Hòa Phú       | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025           |             |             | 04   | 17   |                  |                            | 7,25 | 4,00 | 5,00 | 16,25     |
| 164 | 140529 | Hồ Ngọc Bảo       | Như    | Nữ        | 06/09/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Lê Thị Trung  | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 14   | 17   |                  |                            | 7,00 | 3,00 | 6,00 | 16,00     |
| 165 | 170206 | Nguyễn Thị Yến    | Như    | Nữ        | 09/03/2010 | Thanh Hóa                         | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bàu Bàng        | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,25 | 3,40 | 6,75 | 17,40     |
| 166 | 170207 | Ngô Thị Kiều      | Oanh   | Nữ        | 02/05/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 8,00 | 3,60 | 5,75 | 17,35     |
| 167 | 040654 | Vương Tấn         | Phát   | Nam       | 10/08/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             | 04   | 17   |                  |                            | 5,75 | 2,60 | 7,75 | 16,10     |
| 168 | 170208 | Lê Đức            | Phát   | Nam       | 03/02/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bàu Bàng        | 2025           |             |             | 17   | 23   |                  |                            | 8,00 | 6,40 | 8,50 | 22,90     |
| 169 | 170209 | Lê Tấn            | Phát   | Nam       | 24/09/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 6,50 | 3,20 | 6,50 | 16,20     |
| 170 | 170217 | Tổng Hồng         | Phong  | Nam       | 08/07/2009 | Quảng Ninh                        | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 6,50 | 4,60 | 5,80 | 16,90     |
| 171 | 170220 | Nguyễn Thanh      | Phú    | Nam       | 05/07/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 6,75 | 7,80 | 7,75 | 22,30     |
| 172 | 170221 | Trần Bình         | Phú    | Nam       | 27/11/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 04   |                  |                            | 5,50 | 5,30 | 6,00 | 16,80     |
| 173 | 170222 | Lê Kim            | Phúc   | Nữ        | 23/05/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,25 | 5,20 | 5,00 | 17,45     |
| 174 | 170226 | Trần Đại          | Phúc   | Nam       | 30/03/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 23   |                  |                            | 6,25 | 3,00 | 7,25 | 16,50     |
| 175 | 100752 | Trịnh Trần Minh   | Phương | Nam       | 30/11/2009 | Bình Dương                        | Trường ngoại tỉnh         |                       | 0              |             |             | 10   | 17   |                  |                            | 7,50 | 2,20 | 6,75 | 16,45     |
| 176 | 170228 | Lê Thị Kiều       | Phương | Nữ        | 21/01/2010 | Quảng Ngãi                        | Trường ngoại tỉnh         |                       | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 6,75 | 5,00 | 7,25 | 19,00     |
| 177 | 170229 | Ngô Thị Khánh     | Phương | Nữ        | 05/11/2010 | Thanh Hóa                         | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,50 | 3,40 | 6,00 | 16,90     |
| 178 | 170230 | Nguyễn Hoàng      | Phương | Nam       | 17/11/2010 | An Giang                          | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,00 | 6,00 | 8,25 | 21,25     |
| 179 | 170231 | Bùi Thị Kim       | Phượng | Nữ        | 18/03/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,50 | 4,70 | 7,00 | 19,20     |
| 180 | 170232 | Lê Kim            | Phượng | Nữ        | 30/10/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bàu Bàng        | 2025           |             |             | 17   | 23   |                  |                            | 6,75 | 4,80 | 8,00 | 19,55     |
| 181 | 140611 | Lê Thị Ngọc       | Quý    | Nữ        | 02/05/2010 | An Giang                          | Trường THCS Tân Hiệp      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 14   | 17   |                  |                            | 8,00 | 2,60 | 6,10 | 16,70     |
| 182 | 170237 | Lê Phan Hoàng     | Quý    | Nam       | 29/04/2010 | TP. Hồ Chí Minh                   | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 5,00 | 7,60 | 5,25 | 17,85     |
| 183 | 170238 | Võ Hồng Thuý      | Quyên  | Nữ        | 25/10/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,75 | 2,80 | 8,00 | 18,55     |
| 184 | 170239 | Nguyễn Hoàng Tổ   | Quỳnh  | Nữ        | 03/04/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 8,25 | 5,90 | 6,50 | 20,65     |
| 185 | 170242 | Nguyễn Ngọc Quang | Sang   | Nam       | 10/04/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 8,00 | 4,80 | 6,50 | 19,30     |
| 186 | 140631 | Trần Hoàng        | Sếp    | Nam       | 18/04/2009 | Cà Mau                            | Trường THCS Phú Chánh     | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 14   | 17   |                  |                            | 7,25 | 2,80 | 6,25 | 16,30     |
| 187 | 170243 | Võ Hữu            | Tài    | Nam       | 01/06/2010 | TP. Hồ Chí Minh                   | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 8,00 | 7,60 | 7,75 | 23,35     |
| 188 | 170246 | Lê Thanh          | Tâm    | Nam       | 20/06/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,00 | 3,20 | 7,25 | 17,45     |
| 189 | 170247 | Lê Thị Mỹ         | Tâm    | Nữ        | 06/05/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,75 | 3,80 | 6,25 | 17,80     |
| 190 | 170249 | Đoàn Công         | Tân    | Nam       | 09/04/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 8,25 | 6,10 | 7,75 | 22,10     |
| 191 | 210697 | Ngô Nhật          | Tân    | Nam       | 25/04/2010 | Lâm Đồng                          | Trường THCS Phú Mỹ        | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025           |             |             | 21   | 17   |                  |                            | 7,25 | 2,20 | 7,50 | 16,95     |
| 192 | 170250 | Bùi Đăng          | Thái   | Nam       | 31/03/2010 | Hưng Yên                          | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 6,75 | 5,80 | 8,50 | 21,05     |
| 193 | 170251 | Lê Quốc           | Thái   | Nam       | 29/05/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 5,50 | 4,80 | 7,75 | 18,05     |
| 194 | 170252 | Ngô Quốc          | Thái   | Nam       | 03/01/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,00 | 5,50 | 6,50 | 19,00     |
| 195 | 170253 | Vũ Lê Duy         | Thái   | Nam       | 29/04/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bàu Bàng        | 2025           |             |             | 17   | 27   |                  |                            | 7,50 | 4,60 | 7,75 | 19,85     |
| 196 | 140673 | Lê Trung          | Thắng  | Nam       | 09/01/2009 | Cà Mau                            | Trường THCS Lê Thị Trung  | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 14   | 17   |                  |                            | 7,00 | 3,40 | 6,25 | 16,65     |
| 197 | 140675 | Nguyễn Văn Thành  | Thắng  | Nam       | 26/12/2009 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Hiệp      | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 14   | 17   |                  |                            | 6,75 | 2,40 | 7,00 | 16,15     |
| 198 | 170257 | Nguyễn Phúc       | Thành  | Nam       | 07/02/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 18   |                  |                            | 7,75 | 7,40 | 7,75 | 22,90     |
| 199 | 170258 | Nguyễn Xuân       | Thành  | Nam       | 08/05/2010 | TP. Hồ Chí Minh                   | Trường THCS Hội Nghĩa     | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             | 17   | 16   |                  |                            | 6,75 | 4,00 | 8,00 | 18,75     |
| 200 | 010987 | Dương Thị Thanh   | Thảo   | Nữ        | 12/02/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bàu Bàng        | 2025           | VĂN         | SỬ          | 17   | 23   |                  |                            | 7,00 | 3,20 | 6,75 | 16,95     |
| 201 | 040760 | Nguyễn Mai        | Thảo   | Nữ        | 05/05/2010 | Thái Bình                         | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             | 04   | 17   |                  |                            | 6,75 | 3,00 | 6,25 | 16,00     |

| TT  | SBD    | Họ và Tên                | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh<br>(Tỉnh hoặc Thành phố) | Năm lớp 9                   |                       |                | NV chuyên 1 | NV chuyên 2 | NV1  | NV2  | Điểm Ưu tiên, KK | Ghi chú<br>Ưu tiên, KK gì? | Văn                    | Anh  | Toán | Tổng cộng |       |
|-----|--------|--------------------------|-----------|------------|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------|-------------|-------------|------|------|------------------|----------------------------|------------------------|------|------|-----------|-------|
|     |        |                          |           |            |                                   | học tại trường              | Huyện/ Thị            | Năm tốt nghiệp |             |             |      |      |                  |                            |                        |      |      |           |       |
| (1) | (2)    | (3)                      | (4)       | (5)        | (6)                               | (7)                         | (8)                   | (9)            | (10)        | (11)        | (12) | (13) | (14)             | (15)                       | (16)                   | (27) | (28) | (29)      | (30)  |
| 202 | 170259 | Nguyễn Ngọc Phương Thảo  | Nữ        | 20/11/2010 | Hải Dương                         | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,25 | 2,80 | 7,25      | 18,30 |
| 203 | 170262 | Trần Thị Ngọc Thảo       | Nữ        | 13/10/2010 | An Giang                          | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,50 | 2,80 | 6,00      | 16,30 |
| 204 | 140678 | Nguyễn Bảo Thi           | Nữ        | 11/11/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Hội Nghĩa       | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 14   | 17               |                            |                        | 7,00 | 2,60 | 7,00      | 16,60 |
| 205 | 170264 | Nguyễn Thị Hoàng Thi     | Nữ        | 13/10/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,25 | 4,50 | 7,25      | 19,00 |
| 206 | 170265 | Lý Gia Thiện             | Nam       | 22/08/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               | 1                          | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS | 5,50 | 3,40 | 6,25      | 16,15 |
| 207 | 170267 | Đoàn Minh Thiện          | Nam       | 06/06/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 6,25 | 6,10 | 6,00      | 18,35 |
| 208 | 170268 | Lê Chí Thiện             | Nam       | 13/07/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 2,80 | 7,25      | 17,05 |
| 209 | 170270 | Nguyễn Văn Thiện         | Nam       | 22/08/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 6,50 | 4,70 | 7,75      | 18,95 |
| 210 | 170272 | Trần Thị Hoài Thom       | Nữ        | 02/12/2010 | Gia Lai                           | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,50 | 2,60 | 6,00      | 16,10 |
| 211 | 170283 | Nguyễn Thị Anh Thư       | Nữ        | 24/05/2010 | TP. Hồ Chí Minh                   | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,50 | 3,40 | 5,35      | 16,25 |
| 212 | 170284 | Phạm Cao Minh Thư        | Nữ        | 21/10/2009 | TP. Hồ Chí Minh                   | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,75 | 6,40 | 6,50      | 20,65 |
| 213 | 170286 | Trần Thanh Thư           | Nữ        | 12/11/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,25 | 5,50 | 6,75      | 20,50 |
| 214 | 170273 | Trương Công Thuận        | Nam       | 12/04/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,50 | 7,70 | 8,00      | 23,20 |
| 215 | 140728 | Nguyễn Lê Diễm Thương    | Nữ        | 16/04/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Hiệp        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 14   | 17               |                            |                        | 7,75 | 2,40 | 6,10      | 16,25 |
| 216 | 170287 | Trương Thị Thương Thương | Nữ        | 14/11/2009 | Kiên Giang                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 6,75 | 3,20 | 6,00      | 15,95 |
| 217 | 170274 | Nguyễn Ngọc Phương Thủy  | Nữ        | 05/08/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,25 | 2,60 | 6,15      | 16,00 |
| 218 | 170275 | Võ Ngọc Phương Thủy      | Nữ        | 13/08/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,75 | 5,50 | 8,00      | 21,25 |
| 219 | 170277 | Huỳnh Thị Thanh Thúy     | Nữ        | 23/04/2010 | TP. Hồ Chí Minh                   | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 4,90 | 7,10      | 19,00 |
| 220 | 170278 | Nguyễn Huỳnh Mộng Thúy   | Nữ        | 30/11/2010 | TP. Hồ Chí Minh                   | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 5,00 | 5,20      | 17,20 |
| 221 | 170279 | Nguyễn Mai Phương Thúy   | Nữ        | 21/10/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,00 | 3,80 | 6,25      | 18,05 |
| 222 | 170276 | Đỗ Thị Thu Thủy          | Nữ        | 13/04/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 5,75 | 3,80 | 7,75      | 17,30 |
| 223 | 170288 | Ứng Bảo Thy              | Nữ        | 25/11/2009 | Đồng Nai                          | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               | 1                          | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS | 8,50 | 4,40 | 7,50      | 21,40 |
| 224 | 170289 | Nguyễn Cẩm Tiên          | Nữ        | 07/05/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,50 | 4,20 | 6,60      | 18,30 |
| 225 | 170291 | Ngô Minh Tiến            | Nam       | 25/04/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,00 | 7,50 | 7,50      | 23,00 |
| 226 | 030885 | Lê Minh Toàn             | Nam       | 04/08/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 03   | 17               |                            |                        | 6,75 | 3,20 | 7,25      | 17,20 |
| 227 | 170294 | Trịnh Ngọc Bảo Toàn      | Nam       | 25/11/2010 | TP. Hồ Chí Minh                   | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,50 | 5,70 | 6,75      | 20,95 |
| 228 | 170295 | Vũ Thạch Toàn            | Nam       | 07/12/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               | 1                          | -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS | 7,25 | 3,80 | 6,50      | 18,55 |
| 229 | 130793 | Trần Võ Ngọc Trâm        | Nữ        | 15/07/2010 | TP. Hồ Chí Minh                   | Trường THCS Nguyễn Quốc Phú | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 13   | 17               |                            |                        | 7,25 | 2,80 | 6,75      | 16,80 |
| 230 | 140768 | Nguyễn Thị Bích Trâm     | Nữ        | 08/03/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Lê Thị Trung    | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 14   | 17               |                            |                        | 7,25 | 3,00 | 6,50      | 16,75 |
| 231 | 170305 | Phạm Ngọc Khánh Trâm     | Nữ        | 09/09/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,75 | 6,80 | 4,35      | 18,90 |
| 232 | 170307 | Võ Thị Bích Trâm         | Nữ        | 09/04/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,50 | 3,60 | 6,25      | 18,35 |
| 233 | 170308 | Hồ Trần Huyền Trân       | Nữ        | 10/10/2010 | Cà Mau                            | Trường THCS Hòa Phú         | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025           |             |             |      | 17   | 04               |                            |                        | 8,00 | 2,40 | 6,00      | 16,40 |
| 234 | 040853 | Nguyễn Minh Trang        | Nữ        | 10/03/2010 | Thanh Hóa                         | Trường THCS Lý Tự Trọng     | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             |      | 04   | 17               |                            |                        | 6,00 | 3,80 | 6,50      | 16,30 |
| 235 | 040858 | Trần Thị Thùy Trang      | Nữ        | 01/01/2010 | Nghệ An                           | Trường THCS Phú Chánh       | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 04   | 17               |                            |                        | 7,00 | 1,80 | 7,25      | 16,05 |
| 236 | 170296 | Bùi Bảo Trang            | Nữ        | 12/12/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Phước Hòa       | Huyện Phú Giáo        | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 6,75 | 4,00 | 5,65      | 16,40 |
| 237 | 170297 | Lê Thị Huyền Trang       | Nữ        | 09/05/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,50 | 4,30 | 8,00      | 19,80 |
| 238 | 170298 | Lê Thị Huyền Trang       | Nữ        | 28/12/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Tân Bình        | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 6,00 | 7,75      | 20,75 |
| 239 | 170302 | Nguyễn Trần Thùy Trang   | Nữ        | 11/09/2009 | An Giang                          | Trường THCS Vĩnh Tân        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 8,25 | 3,20 | 5,85      | 17,30 |
| 240 | 170309 | Dương Minh Trí           | Nam       | 23/11/2010 | Bình Dương                        | Trường THCS Chánh Phú Hòa   | Thành phố Bến Cát     | 2025           |             |             |      | 17   | 23               |                            |                        | 7,00 | 3,00 | 6,50      | 16,50 |
| 241 | 170311 | Trần Thiên Thanh Triều   | Nam       | 21/12/2009 | Bình Dương                        | Trường ngoại tỉnh           |                       | 2024           |             |             |      | 17   | 27               |                            |                        | 7,00 | 2,60 | 6,25      | 15,85 |
| 242 | 140784 | Lê Nguyễn Thị Diễm Trinh | Nữ        | 06/09/2009 | Hậu Giang                         | Trường THCS Tân Hiệp        | Thành phố Tân Uyên    | 2025           |             |             |      | 14   | 17               |                            |                        | 7,25 | 3,00 | 5,75      | 16,00 |

| TT  | SBD    | Họ và Tên           | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh<br>(Tỉnh hoặc Thành phố) | Năm lớp 9       |                           |                       | NV chuyên 1 | NV chuyên 2 | NV1  | NV2  | Điểm Ưu tiên, KK | Ghi chú<br>Ưu tiên, KK gì? | Văn  | Anh  | Toán | Tổng cộng |       |
|-----|--------|---------------------|-----------|-----------|-----------------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------------|-------------|-------------|------|------|------------------|----------------------------|------|------|------|-----------|-------|
|     |        |                     |           |           |                                   | học tại trường  | Huyện/ Thị                | Năm tốt nghiệp        |             |             |      |      |                  |                            |      |      |      |           |       |
| (1) | (2)    | (3)                 | (4)       | (5)       | (6)                               | (7)             | (8)                       | (9)                   | (10)        | (11)        | (12) | (13) | (14)             | (15)                       | (16) | (27) | (28) | (29)      | (30)  |
| 243 | 170313 | Ngô Ngọc Phương     | Trình     | Nữ        | 08/01/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,50 | 3,00 | 6,75      | 17,25 |
| 244 | 140800 | Võ Thanh            | Trúc      | Nữ        | 01/02/2009                        | Đồng Tháp       | Trường THCS Khánh Bình    | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                            |      | 7,00 | 2,60 | 6,75      | 16,35 |
| 245 | 170316 | Đinh Thị Thanh      | Trúc      | Nữ        | 06/06/2010                        | TP. Hồ Chí Minh | Trường THCS Quang Trung   | Huyện Bàu Bàng        | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,25 | 1,60 | 7,00      | 15,85 |
| 246 | 170321 | Võ Tiến             | Trung     | Nam       | 29/05/2009                        | Vĩnh Long       | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,25 | 3,00 | 6,50      | 16,75 |
| 247 | 170323 | Châu Cẩm            | Tú        | Nữ        | 10/05/2009                        | Cà Mau          | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 6,50 | 4,10 | 7,00      | 17,60 |
| 248 | 170324 | Hoàng Anh           | Tuấn      | Nam       | 13/11/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,75 | 7,20 | 8,50      | 23,45 |
| 249 | 170325 | Phạm Thị Thanh      | Tuyền     | Nữ        | 12/08/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,75 | 5,70 | 9,00      | 22,45 |
| 250 | 170327 | Trương Minh         | Tỷ        | Nam       | 09/09/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,75 | 3,40 | 7,00      | 18,15 |
| 251 | 170329 | Trần Thị Ngọc       | Vàng      | Nữ        | 05/12/2010                        | TP. Hồ Chí Minh | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,25 | 3,20 | 6,75      | 17,20 |
| 252 | 170331 | Phạm Thị Tường      | Vi        | Nữ        | 26/09/2010                        | An Giang        | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,50 | 3,60 | 6,50      | 17,60 |
| 253 | 170333 | Vũ Duy              | Việt      | Nam       | 31/10/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Phú Chánh     | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 23               |                            |      | 7,75 | 3,60 | 6,50      | 17,85 |
| 254 | 170334 | Lê Viết Trường      | Vũ        | Nam       | 07/12/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,25 | 4,60 | 6,25      | 18,10 |
| 255 | 040978 | Nguyễn Thị Phương   | Vy        | Nữ        | 18/06/2010                        | TP. Hồ Chí Minh | Trường THCS Phú Chánh     | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 04   | 17               |                            |      | 7,00 | 3,00 | 6,05      | 16,05 |
| 256 | 040979 | Nguyễn Thị Thanh    | Vy        | Nữ        | 17/10/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Lý Tự Trọng   | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 04   | 17               |                            |      | 6,75 | 3,00 | 6,75      | 16,50 |
| 257 | 040989 | Phạm Khánh          | Vy        | Nữ        | 21/09/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Hòa Phú       | Thành phố Thủ Dầu Một | 2025        |             |      | 04   | 17               |                            |      | 7,00 | 3,00 | 6,00      | 16,00 |
| 258 | 140880 | Trần Ngọc Anh       | Vy        | Nữ        | 02/02/2010                        | Đồng Nai        | Trường THCS Khánh Bình    | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 14   | 17               |                            |      | 7,00 | 3,00 | 6,60      | 16,60 |
| 259 | 170336 | Đoàn Bảo            | Vy        | Nữ        | 22/12/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 6,75 | 2,60 | 6,75      | 16,10 |
| 260 | 170339 | Nguyễn Bùi Yến      | Vy        | Nữ        | 27/01/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,25 | 4,80 | 6,75      | 18,80 |
| 261 | 170340 | Nguyễn Thị Hà       | Vy        | Nữ        | 05/02/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 8,25 | 4,40 | 7,25      | 19,90 |
| 262 | 170342 | Thái Lê Tường       | Vy        | Nữ        | 26/10/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Chánh Phú Hòa | Thành phố Bến Cát     | 2025        |             |      | 17   | 23               |                            |      | 7,50 | 4,00 | 6,25      | 17,75 |
| 263 | 170343 | Thân Thị Phương     | Vy        | Nữ        | 24/01/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,75 | 3,40 | 7,00      | 18,15 |
| 264 | 170344 | Trần Ngọc Khánh     | Vy        | Nữ        | 28/06/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,75 | 2,60 | 6,50      | 16,85 |
| 265 | 170345 | Võ Thị Kiều         | Vy        | Nữ        | 21/12/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 8,00 | 3,60 | 7,00      | 18,60 |
| 266 | 170346 | Nguyễn Trần Như     | Ý         | Nữ        | 29/11/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 8,00 | 7,70 | 5,75      | 21,45 |
| 267 | 170347 | Trương Như          | Ý         | Nữ        | 24/09/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,75 | 3,60 | 5,75      | 17,10 |
| 268 | 170348 | Nguyễn Hoàng Phương | Yến       | Nữ        | 08/08/2010                        | TP. Hồ Chí Minh | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,50 | 7,00 | 7,00      | 21,50 |
| 269 | 170349 | Nguyễn Thị Kim      | Yến       | Nữ        | 15/06/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Vĩnh Tân      | Thành phố Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,75 | 2,40 | 6,50      | 16,65 |
| 270 | 170350 | Trần Thị Hoàng      | Yến       | Nữ        | 30/04/2010                        | Bình Dương      | Trường THCS Tân Bình      | Huyện Bắc Tân Uyên    | 2025        |             |      | 17   | 27               |                            |      | 7,50 | 3,60 | 8,50      | 19,60 |

Danh sách có 270 học sinh./

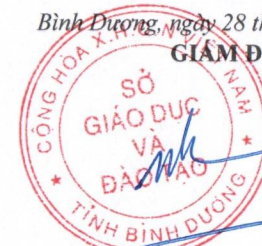
Người lập



Võ Hoàng Yến

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhật Hằng